

Số: 345 /TTT-NV3
V/v hướng dẫn triển khai đánh giá
công tác PCTN cấp tỉnh năm 2022.

Ninh Thuận, ngày 20 tháng 4 năm 2023

Kính gửi:

- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy;
- Đảng ủy khối các Cơ quan - Doanh nghiệp tỉnh;
- Công an tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận tổ quốc VN tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh;
- Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

Thực hiện Kế hoạch số 618/KH-UBND ngày 24/02/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng cấp tỉnh năm 2022 và Quyết định số 273/QĐ-UBND ngày 08/3/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Tổ đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng cấp tỉnh năm 2022.

Căn cứ Quyết định số 152/QĐ-TTCT ngày 14/4/2023 của Thanh tra Chính phủ ban hành “Bộ chỉ số đánh giá và tài liệu hướng dẫn đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng cấp tỉnh năm 2022”. Trên tinh thần đó, Thanh tra tỉnh dự kiến phân công nhiệm vụ và hướng dẫn các cơ quan, đơn vị có liên quan phối hợp thực hiện đánh giá và báo cáo đánh giá Bộ chỉ số năm 2022, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, PHẠM VI, NỘI DUNG VÀ LẬP BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ:

1. Mục đích

- Đánh giá chính xác, khách quan, trung thực kết quả thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng (viết tắt là PCTN) của các Sở, ban, ngành, địa phương thuộc tỉnh trong năm 2022.

- Nâng cao ý thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, nhất là vai trò của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc thực hiện hiệu quả các biện pháp phòng ngừa; phát hiện và xử lý tham nhũng và chỉ đạo triển khai công tác đánh giá và báo cáo đánh giá PCTN trong năm qua.

2. Phạm vi

- Phạm vi đánh giá là công tác PCTN cấp tỉnh năm 2022 bao gồm: Đánh giá công tác lãnh đạo, chỉ đạo công tác PCTN; việc xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật về PCTN; kết quả thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng; kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng; kết quả thu hồi tài sản tham nhũng của UBND tỉnh, các sở, ban, ngành, địa phương thuộc tỉnh.

- Thời kỳ đánh giá: từ 16/12/2021 đến 15/12/2022.

3. Nội dung tiêu chí đánh giá:

Đánh giá công tác PCTN cấp tỉnh năm 2022 gồm 4 nội dung và thang điểm **100**, như sau:

- *Phần A:* Đánh giá việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác PCTN; việc xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật về PCTN: **20 điểm**.

- *Phần B:* Đánh giá việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng: **30 điểm**.

- *Phần C:* Đánh giá việc phát hiện và xử lý tham nhũng: **40 điểm**.

- *Phần D:* Đánh giá việc thu hồi tài sản tham nhũng: **10 điểm**.

(Chi tiết kèm theo 2 Phụ lục Thuyết minh tự đánh giá công tác PCTN cấp tỉnh năm 2022 kèm theo Quyết định số 152/QĐ-TTCP ngày 14/4/2023 của Thanh tra Chính phủ - Có biểu mẫu kèm theo)

4. Lập báo cáo và đánh giá Bộ chỉ số:

Báo cáo đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng năm 2022 được xây dựng theo đề cương báo cáo tự đánh giá, gửi kèm các phụ lục tổng hợp và danh mục tài liệu, số liệu chứng minh theo biểu mẫu quy định tại Quyết định số 152/QĐ-TTCP ngày 14/4/2023 của Thanh tra Chính phủ (Chi tiết có Phụ lục kèm theo).

II. PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ VÀ THỜI HẠN THỰC HIỆN

1. Nguyên tắc đánh giá:

Việc đánh giá phải khách quan, toàn diện, trung thực, công khai, minh bạch; căn cứ vào Bộ chỉ số và tài liệu chứng minh về công tác PCTN của các Sở, ban, ngành, địa phương trực thuộc tỉnh.

2. Phương pháp tổ chức đánh giá:

2.1. Các Sở, ban, ngành, địa phương trực thuộc tỉnh:

- Thu thập tài liệu, tổng hợp số liệu làm bằng chứng, lập hồ sơ tự đánh giá.
- Tự đánh giá bằng cách chấm điểm theo Bộ Chỉ số và xây dựng báo cáo tự đánh giá theo Đề cương báo cáo (Phụ lục 01 kèm theo).

- Thuyết minh chi tiết kết quả tự tính điểm từng tiêu chí đánh giá công tác PCTN của đơn vị mình trong năm 2022 theo hướng dẫn tại Phụ lục 02 - Phương pháp tính điểm Bộ chỉ số đánh giá công tác PCTN cấp tỉnh năm 2022 (kèm theo).

- Tổng hợp điểm tự đánh giá từng nội dung vào Phụ lục 3 - Bảng tổng hợp điểm tự đánh giá (kèm theo).

- Tổng hợp danh mục tài liệu, số liệu minh chứng và đường dẫn điện tử cho việc tự đánh giá của đơn vị mình vào Phụ lục số 4 (kèm theo).

- Từng cơ quan, đơn vị cập nhật tài liệu, số liệu minh chứng và đường dẫn điện tử của cơ quan, đơn vị mình theo Phụ lục 5 - Danh mục tài liệu, số liệu minh chứng theo Bộ chỉ số đánh giá công tác PCTN năm 2022 (kèm theo).

- Gửi Báo cáo kết quả tự đánh giá và hồ sơ tự đánh giá công tác PCTN năm 2022 về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Thanh tra tỉnh), bản giấy gửi về Phòng Nghiệp vụ 3 và bản điện tử gửi về địa chỉ email ntotrinh@ninhthuan.gov.vn trước ngày 12/5/2023.

*(Do có điều chỉnh bổ sung một số tiêu chí đánh giá so với năm 2021, nên thời gian ban hành Bộ Chỉ số đánh giá năm 2022 lùi hơn so với kế hoạch đã ban hành. Để kịp thời cho việc tổng hợp báo cáo Thanh tra Chính phủ, **điều chỉnh lại thời gian nộp báo cáo tự đánh giá của các Sở, ban, ngành, địa phương về UBND tỉnh (qua Thanh tra tỉnh) trước ngày 12/5/2023.** Báo cáo nộp sau ngày 12/5/2023 sẽ không được xem xét và coi như đơn vị đó không hoàn thành nhiệm vụ đánh giá công tác PCTN).*

- Phối hợp, giải trình, cung cấp tài liệu để làm rõ theo yêu cầu của Thanh tra tỉnh và Tổ đánh giá trong quá trình rà soát, đánh giá việc tự đánh giá công tác PCTN năm 2022 của đơn vị mình.

- Tất cả tài liệu minh chứng phải được đăng trên cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị (trừ văn bản mật).

2.2. Thanh tra tỉnh:

- Hướng dẫn và hỗ trợ các Sở, ban, ngành, địa phương về công tác tự đánh giá công tác PCTN năm 2022 theo Bộ Chỉ số được Tổng Thanh tra Chính phủ ban hành.

- Phối hợp với các Sở, ban, ngành, địa phương và các cơ quan, đơn vị liên quan tiến hành chủ trì cùng với Tổ đánh giá trong quá trình rà soát, đánh giá việc tự đánh giá công tác PCTN năm 2022 của các cơ quan, đơn vị.

- Xây dựng Báo cáo kết quả đánh giá công tác PCTN cấp tỉnh năm 2022 trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ký ban hành báo cáo Thanh tra Chính phủ.

III. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ:

Nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị thực hiện, cụ thể như sau:

A. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ PCTN:

A.1. Đánh giá việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác PCTN: giao Thanh tra tỉnh chủ trì theo dõi, tổng hợp, đánh giá chỉ số phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh, Thanh tra tỉnh thực hiện.

A.2 Đánh giá việc tổ chức thực hiện:

A.2.1 Thực hiện công tác xây dựng và hoàn thiện chính sách pháp luật về PCTN: giao Sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chủ trì tổng hợp, đánh giá chỉ số phối hợp với Thanh tra tỉnh thực hiện.

A.2.2 Thực hiện kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về PCTN: giao Sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chủ trì tổng hợp, đánh giá chỉ số phối hợp với Thanh tra tỉnh thực hiện.

A.2.3 Thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN: giao Sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chủ trì tổng hợp, đánh giá chỉ số phối hợp với Thanh tra tỉnh thực hiện.

A.2.4 Thực hiện việc kiểm tra, theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật về PCTN: giao Sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chủ trì tổng hợp, đánh giá chỉ số phối hợp với Thanh tra tỉnh thực hiện.

A.2.5 Việc tiếp công dân của Chủ tịch UBND cấp tỉnh và chỉ đạo của Chủ tịch UBND cấp tỉnh xử lý tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân về tham nhũng; kiến nghị, đề nghị bảo vệ người tố cáo tham nhũng: giao Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì phối hợp Thanh tra tỉnh, theo dõi, tổng hợp, đánh giá.

B. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG:

B.1. Công tác phòng ngừa tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực Nhà nước:

B.1.1. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch theo quy định tại Điều 10 của Luật PCTN 2018: giao các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chủ trì tổng hợp, đánh giá chỉ số phối hợp với Thanh tra tỉnh thực hiện.

B.1.2. Kết quả cải cách hành chính (PAR 2020): giao Sở Nội vụ chủ trì theo dõi, tổng hợp, đánh giá chỉ số; Sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phối hợp thực hiện.

B.1.3. Kết quả chuyển đổi số cấp tỉnh (DTI năm 2022): giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì theo dõi, tổng hợp, đánh giá chỉ số; Sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phối hợp thực hiện.

B.1.4. Kết quả thực Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021-2025: giao Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì theo dõi, tổng hợp, đánh giá chỉ số; Sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phối hợp thực hiện.

B.1.5. Kết quả việc thực hiện định mức, chế độ, tiêu chuẩn (ĐM, CD, TC): giao Sở Tài chính chủ trì theo dõi, tổng hợp, đánh giá chỉ số; Sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phối hợp thực hiện.

B.1.6. Kết quả kiểm soát xung đột lợi ích (XĐLI): giao Sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chủ trì tổng hợp, đánh giá chỉ số phối hợp với Thanh tra tỉnh thực hiện.

B.1.7. Kết quả việc chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức: giao Sở Nội vụ chủ trì theo dõi, tổng hợp, đánh giá chỉ số; Sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phối hợp thực hiện.

B.1.8. Kết quả thực hiện quy tắc ứng xử: giao các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chủ trì tổng hợp, đánh giá chỉ số phối hợp với Thanh tra tỉnh thực hiện.

B.1.9. Kết quả kiểm soát tài sản, thu nhập (TSTN): giao Thanh tra tỉnh chủ trì theo dõi, tổng hợp, đánh giá chỉ số; Sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phối hợp thực hiện.

B.1.10. Kết quả thực hiện Chỉ thị 10/TTg ngày 22/4/2019 của TTg CP Về việc tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc (Chỉ thị 10):

B.1.10.1 Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị 10 năm 2022: giao Thanh tra tỉnh chủ trì theo dõi, tổng hợp, đánh giá chỉ số; Sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phối hợp thực hiện.

B.1.10.2. Việc tiếp nhận, xử lý kiến nghị, phản ánh về tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc: giao các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chủ trì tổng hợp, đánh giá chỉ số phối hợp với Thanh tra tỉnh thực hiện.

B.1.10.3. Kết quả xử lý vi phạm Chỉ thị 10: giao các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chủ trì tổng hợp, đánh giá chỉ số phối hợp với Thanh tra tỉnh thực hiện.

B.2 Công tác phòng ngừa tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước.

Bao gồm: (1) Công ty đại chúng, (2) tổ chức tín dụng và (3) tổ chức xã hội do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc phê duyệt điều lệ có huy động khoản đóng góp của Nhân dân để hoạt động từ thiện trên địa bàn tỉnh.

Giao cho các Công ty đại chúng, tổ chức tín dụng và tổ chức xã hội (nếu có) chủ trì theo dõi, tổng hợp, đánh giá chỉ số; phối hợp Thanh tra tỉnh thực hiện:

B.2.1. UBND cấp tỉnh ban hành văn bản hướng dẫn, đơn đốc thực hiện công tác phòng ngừa tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước.

B.2.2. Kết quả *Thanh tra* việc thực hiện pháp luật PCTN đối với doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước.

C. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC PHÁT HIỆN VÀ XỬ LÝ THAM NHŨNG

C.1. Việc phát hiện hành vi tham nhũng:

C.1.1. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua kiểm tra, thanh tra, giám sát:

- Giao Sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chủ trì tổng hợp, đánh giá thực hiện công tác tự kiểm tra nội bộ.

- Giao Thanh tra tỉnh chủ trì, theo dõi, tổng hợp, đánh giá; Sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phối hợp thực hiện công tác thanh tra.

- Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh chủ trì phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh theo dõi, tổng hợp, đánh giá thực hiện hoạt động giám sát.

C.1.2. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua phản ánh, tố cáo: giao Thanh tra tỉnh chủ trì, theo dõi, tổng hợp, đánh giá; Sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phối hợp thực hiện.

C.1.3. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua điều tra, truy tố, xét xử:

- Giao Công an tỉnh chủ trì tổng hợp, đánh giá kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua điều tra.

- Đề nghị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh chủ trì tổng hợp, đánh giá kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua truy tố.

- Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh chủ trì tổng hợp, đánh giá kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua xét xử.

C.2. Việc xử lý tham nhũng:

C.2.1. Kết quả xử lý kỷ luật đối với tổ chức, cá nhân do đề xảy ra tham nhũng.

C.2.1.1. Kết quả xử lý kỷ luật về đảng, xử phạt hành chính đối với tổ chức do đề xảy ra tham nhũng:

- Giao Sở Nội vụ chủ trì, theo dõi, tổng hợp, đánh giá; Sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phối hợp thực hiện.

- Đề nghị Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy theo dõi, tổng hợp, đánh giá.

- Đề nghị Đảng ủy khối Cơ quan - Doanh nghiệp tỉnh theo dõi, tổng hợp, đánh giá.

C.2.1.2. Kết quả xử lý kỷ luật hành chính đối với cá nhân có hành vi tham nhũng:

- Giao Sở Nội vụ chủ trì, theo dõi, tổng hợp, đánh giá; Sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phối hợp thực hiện.

- Đề nghị Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy theo dõi, tổng hợp, đánh giá.

- Đề nghị Đảng ủy khối Cơ quan - Doanh nghiệp tỉnh theo dõi, tổng hợp, đánh giá.

C.2.2. Kết quả xử lý hình sự người có hành vi tham nhũng.

C.2.2.1. Kết quả xử lý qua điều tra: Đề nghị Công an tỉnh chủ trì, theo dõi, tổng hợp, đánh giá.

C.2.2.2. Kết quả xử lý qua truy tố: Đề nghị Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh chủ trì, theo dõi, tổng hợp, đánh giá.

C.2.2.3. Kết quả xử lý qua xét xử: Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh chủ trì, theo dõi, tổng hợp, đánh giá.

C.2.3. Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ vào mức độ của vụ việc tham nhũng.

C.2.3.1. Hình thức khiển trách: giao Sở Nội vụ chủ trì, theo dõi, tổng hợp, đánh giá; Sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phối hợp thực hiện.

Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ việc tham nhũng ít nghiêm trọng (là vụ việc mà người có hành vi tham nhũng chưa đến mức bị xử lý hình sự hoặc bị xử lý hình sự bằng hình thức phạt tiền, phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù đến 03 năm).

C.2.3.2. Hình thức cảnh cáo: giao Sở Nội vụ chủ trì, theo dõi, tổng hợp, đánh giá; Sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phối hợp thực hiện.

Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ việc tham nhũng nghiêm trọng (là vụ việc mà người có hành vi tham nhũng bị xử lý bằng hình thức phạt tù từ trên 03 năm đến 07 năm)

C.2.3.3. Hình thức cách chức: giao Sở Nội vụ chủ trì, theo dõi, tổng hợp, đánh giá; Sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phối hợp thực hiện.

Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ việc tham nhũng rất nghiêm trọng (là vụ việc mà người có hành vi tham nhũng bị xử lý bằng hình thức phạt tù từ trên 07 năm đến 15 năm) hoặc đặc biệt nghiêm trọng (là vụ việc mà người có hành vi tham nhũng bị xử lý bằng hình thức phạt tù từ trên 15 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình).

C.3. Kết quả xử lý hành vi khác vi phạm pháp luật về PCTN

C.3.1. Kết quả xử lý vi phạm trong thực hiện công khai minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức đơn vị (Điều 81 – Nghị định 59/2019/NĐ-CP): giao Sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phối hợp thực hiện

C.3.2. Kết quả xử lý vi phạm quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn (Điều 82 – Nghị định 59/2019/NĐ-CP): giao Sở Tài chính chủ trì theo dõi, tổng hợp, đánh giá chỉ số; Sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phối hợp thực hiện.

C.3.3. Kết quả xử lý vi phạm quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị (Điều 83 – Nghị định 59/2019/NĐ-CP): giao Sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phối hợp thực hiện.

C.3.4. Kết quả xử lý vi phạm quy định về xung đột lợi ích (Điều 84 – Nghị định 59/2019/NĐ-CP): giao Sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phối hợp thực hiện.

C.3.5. Kết quả xử lý vi phạm quy định về chuyển đổi vị trí công tác: giao Sở Nội vụ chủ trì theo dõi, tổng hợp, đánh giá chỉ số; Sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phối hợp thực hiện.

C.3.6. Kết quả xử lý vi phạm quy định về báo cáo, xử lý báo cáo về hành vi tham nhũng (Điều 85 – Nghị định 59/2019/NĐ-CP): giao Thanh tra tỉnh chủ trì theo dõi, tổng hợp, đánh giá chỉ số; Sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phối hợp thực hiện.

C.3.7. Kết quả xử lý hành vi vi phạm đối với người kê khai TSTN và xử lý hành vi vi phạm khác trong kiểm soát TSTN (Điều 20, 21 – Nghị định 130/2020/NĐ-CP): giao Thanh tra tỉnh chủ trì theo dõi, tổng hợp, đánh giá chỉ số; Sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phối hợp thực hiện.

D. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC THU HỒI TIỀN, TÀI SẢN THAM NHƯNG

D.1. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, giải quyết đơn tố cáo, phản ánh:

D.1.1. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra:

- Giao Sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chủ trì tổng hợp, đánh giá kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác tự kiểm tra nội bộ.

- Giao Thanh tra tỉnh chủ trì, theo dõi, tổng hợp, đánh giá kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác thanh tra; Sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phối hợp thực hiện.

- Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh chủ trì phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh theo dõi, tổng hợp, đánh giá kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác giám sát.

D.1.2. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác giải quyết đơn tố cáo, phản ánh:

- Giao Thanh tra tỉnh chủ trì, theo dõi, tổng hợp, đánh giá kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác giải quyết đơn tố cáo, phản ánh; Sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phối hợp thực hiện.

D.2. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án:

D.2.1. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác điều tra, truy tố, xét xử:

- Giao Công an tỉnh chủ trì tổng hợp, đánh giá kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua điều tra.

- Đề nghị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh chủ trì tổng hợp, đánh giá kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua truy tố.

- Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh chủ trì tổng hợp, đánh giá kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua xét xử.

D.2.2. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác thi hành án:

- Giao Cục Thi hành án dân sự tỉnh chủ trì, theo dõi, tổng hợp, đánh giá.

IV. Tổ chức thực hiện:

Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị (cụ thể là các thành viên Tổ đánh giá tại Quyết định số 273/QĐ-UBND ngày 08/3/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh):

1. Tổ chức, triển khai thực hiện nghiêm túc các nội dung nêu trên; đồng thời thực hiện công khai, minh bạch theo quy định tại Điều 10 của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 trên trang điện tử của cơ quan, đơn vị.

2. Yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện đầy đủ Báo cáo kết quả tự đánh giá (phụ lục 01) và phải gửi kèm hồ sơ tự đánh giá công tác PCTN năm 2022 (gồm 04 phụ lục) theo quy định. Đề nghị tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được và rút kinh nghiệm trong công tác đánh giá từ những năm trước còn nhiều thiếu sót, nhất là việc công khai đã được quy định trong các lĩnh vực chuyên ngành và Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 (công khai không đầy đủ; không công khai trên trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị; không có đường dẫn điện tử truy cập; không tổ chức thực hiện rà soát xung đột lợi ích; không có kế hoạch, kết quả thực hiện chuyển đổi vị trí công tác).

3. Trường hợp có vướng mắc, liên hệ với Thanh tra tỉnh (đ/c *Trinh* – 0942427275) để được hướng dẫn tổ chức thực hiện theo đúng quy định. Nếu các đơn vị không thực hiện nghiêm túc, không đúng thời gian, không đầy đủ nội dung theo quy định thì chịu trách nhiệm trước Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả tự đánh giá./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh; (báo cáo)
- Lãnh đạo TTT;
- Lưu: VT, NV3./.

**KT. CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA**

Trần Minh Cảnh